

# TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN PHỔ BIẾN KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ THỰC TIỄN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

● ĐOÀN THÙY ANH

## TÓM TẮT:

Bài viết phân tích một số trường hợp cần thận trọng khi đánh giá mức độ rủi ro trong giao dịch, đưa ra trách nhiệm của công chứng viên phổ biến kiến thức pháp luật về thực tiễn xác nhận tình trạng hôn nhân. Theo đó, trách nhiệm của công chứng viên khi chứng nhận các giao dịch định đoạt tài sản có bao gồm trách nhiệm xác định tình trạng hôn nhân của bên bán/chuyển nhượng tài sản tại các thời điểm tạo lập/định đoạt tài sản. Nếu việc xác định trên là dựa trên các chứng từ xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân phường/xã cung cấp, thì công chứng viên cần tư vấn rõ hơn để người mua/nhận chuyển nhượng tài sản tự quyết định có cần làm rõ về quá trình xin cấp xác nhận tình trạng hôn nhân này hay không.

**Từ khóa:** xác nhận tình trạng hôn nhân, công chứng, trách nhiệm của công chứng.

## 1. Nghĩa vụ tư vấn là một thành tố trong chức năng xã hội của công chứng viên

Trong quá trình dự thảo Luật Công chứng năm 2024, Bộ Tư pháp đã gửi Chính phủ thuyết trình về Dự thảo Luật, theo đó xác định chủ trương tiếp tục xác định công chứng là một nghề hỗ trợ tư pháp, mà không phải là hoạt động kinh doanh đơn thuần, công chứng viên là người được Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm và có chức năng xã hội là cung cấp dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện; hoạt động công chứng phải góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong xã hội, nhất là giao dịch về bất động sản; phòng ngừa tranh chấp, khiếu kiện; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cá nhân, tổ chức. Định hướng này tương đồng với khái niệm về công chứng viên của nhiều nước trên

thế giới theo hệ công chứng La-tinh, điển hình sau đây có thể tham khảo định nghĩa của Cộng hòa Pháp về công chứng viên: “Bên cạnh việc là các viên chức hòa giải và phân xử các tranh chấp và các viên chức đàm phán hòa bình khác, những người đưa ra các tư vấn công tâm cho các bên, cũng như là người soạn thảo một cách chí công vô tư theo ý chí của các bên, giúp cho các bên nhận thức được đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng mà họ ký kết, soạn thảo các cam kết này một cách rõ ràng, cung cấp cho họ bản chất xác thực của một hành động và sự phán đoán đáng tin cậy như là phương sách tối ưu, lưu giữ sự kiện và hồ sơ của họ một cách trung thực, ngăn ngừa tranh chấp có thể xảy ra giữa các bên có thiện chí và loại bỏ những bên tham lam có mục đích và hy vọng thành công trong việc tạo nên

những tranh chấp bất công. Những chuyên viên tư vấn không vụ lợi, những người soạn thảo không thiên vị này như những thẩm phán tự nguyện mà ràng buộc các bên tham gia hợp đồng một cách không thể hủy ngang là những công chứng viên. Thể chế này là chuyên môn nghề nghiệp của công chứng viên.”<sup>1</sup>

Quá trình tổng kết, Bộ Tư pháp cho biết các tổ chức hành nghề công chứng trên cả nước đã thực hiện hơn 41 triệu việc công chứng trong hơn 08 năm thi hành Luật Công chứng 2014, các việc công chứng hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở, bất động sản và tài sản quan trọng khác chiếm tỷ lệ từ 70-80% số việc công chứng. Bộ Tư pháp cũng đánh giá hoạt động công chứng góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch đối với những tài sản có giá trị lớn, đóng vai trò là phương tiện sản xuất cơ bản trong nền kinh tế. Việc công chứng các hợp đồng, giao dịch về đất đai, nhà ở còn góp phần quan trọng trong công tác quản lý nhà nước đối với quá trình chuyển quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, tránh thất thoát nguồn thu thuế, giảm gánh nặng cho cơ quan tiến hành tố tụng thông qua việc giảm thiểu số lượng và quy mô tranh chấp phát sinh từ việc thực hiện các giao dịch liên quan.

Để hoàn thành chức năng xã hội của mình, cụ thể là chức năng góp phần bảo đảm an toàn pháp lý cho các giao dịch trong xã hội, nhất là giao dịch về bất động sản, đòi hỏi công chứng viên phải là người nắm vững các quy định của pháp luật có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau, có kỹ năng soạn thảo văn bản hoàn chỉnh nhằm thể hiện rõ ràng, đầy đủ ý nguyện của những người có yêu cầu công chứng cũng như đảm bảo cho các văn bản này phù hợp với các quy định của pháp luật.

Khi các giao dịch, hợp đồng được thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng có tính chuyên môn, chuyên nghiệp thì các giao dịch đó được đảm bảo tính chính xác, đúng luật, hồ sơ văn bản công chứng được lưu giữ đầy đủ, lâu dài và có tính pháp lý, góp phần phòng ngừa rủi ro, tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên khi tham gia hợp đồng, giao dịch, giúp ổn định cho sự phát triển kinh tế, xã hội.

Ngoài ra, thông qua hoạt động giao tiếp với người yêu cầu công chứng, công chứng viên phải tích cực tuyên truyền, tư vấn cho cá nhân, tổ chức những quy định của pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật cho người dân. Điểm mấu chốt trong hoạt động công chứng là công chứng viên phải tư vấn công tâm cho các bên, giúp cho các bên nhận thức được đầy đủ các nghĩa vụ trong hợp đồng mà họ ký kết. Ngoài trừ khả năng soạn thảo hợp đồng một cách chí công vô tư theo ý chí của các bên, công chứng viên còn phải biết soạn thảo các cam kết một cách rõ ràng, cung cấp cho người yêu cầu công chứng bản chất xác thực của hành vi.

Trách nhiệm “chí công vô tư” của công chứng viên càng cần phải thể hiện rõ hơn khi những vấn đề thực tiễn không thể minh định chính xác, đơn cử như khi cần xác định tình trạng hôn nhân của Bên bán/chuyển nhượng tài sản vào thời điểm tạo lập tài sản/thời điểm tôn tạo giá trị tài sản mà theo lời khai của Bên bán/chuyển nhượng thì trong các thời điểm đó họ không có quan hệ hôn nhân với ai (độc thân). Sau đây để thuận tiện mô tả thì trong khuôn khổ bài viết này, đối với trường hợp “*xác nhận tình trạng hôn nhân mà đương sự không có quan hệ hôn nhân với ai vào thời điểm cần xác định tình trạng hôn nhân*” sẽ được gọi tắt là “*xác nhận độc thân*” theo thuật ngữ trong giao tiếp thường ngày.

Trong khuôn khổ bài viết, tác giả nêu ra một số trường hợp mà việc tư vấn của công chứng viên theo đúng chức danh nghề nghiệp sẽ tạo điều kiện cho các bên tham gia giao dịch thấu hiểu được cơ sở pháp lý của việc chấp thuận giao dịch, mức độ rủi ro có thể xảy ra, các biện pháp xác minh bổ sung để hạn chế rủi ro trong giao dịch hoặc tăng mức độ khả thi của các chế tài phạt vi phạm hợp đồng.

## **2. Một số trường hợp cần thận trọng khi đánh giá mức độ rủi ro trong giao dịch**

### **2.1. Trường hợp giấy “xác nhận độc thân” được cấp căn cứ theo cam kết của người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân**

Tại khoản 1 điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 (quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ

tịch) quy định thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân (Trường hợp không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân). Trong thời hạn 03 ngày làm việc, công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra, xác minh và nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù hợp quy định pháp luật thì được cấp 01 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (nội dung ghi tình trạng hôn nhân và mục đích sử dụng)<sup>2</sup>.

Một trường hợp phổ biến là khi người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau, người đó có trách nhiệm chứng minh về tình trạng hôn nhân của mình. Trường hợp người đó không chứng minh được thì công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đã từng đăng ký thường trú tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của người đó.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã được yêu cầu tiến hành kiểm tra, xác minh và trả lời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu về tình trạng hôn nhân của người đó trong thời gian thường trú tại địa phương. Ngay trong ngày nhận được văn bản trả lời, nếu thấy đủ cơ sở, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người yêu cầu.

Các nhà làm luật cũng đã dự liệu trường hợp không nhận được kết quả xác minh, và có đưa ra quy định tại điều 4 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 (quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP), cụ thể là sau thời hạn 20 ngày kể từ ngày gửi văn bản yêu cầu xác minh mà không nhận được văn bản trả lời thì Ủy ban nhân dân cấp xã cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tự lập văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình (khi đó cơ quan đăng ký hộ tịch phải giải thích rõ cho người lập

văn bản cam đoan về trách nhiệm, hệ quả pháp lý của việc cam đoan không đúng sự thật<sup>3</sup>).

Một chi tiết mà công chứng viên cần tư vấn rõ cho các bên tham gia giao dịch là trong trường hợp được nêu trên đây, tính xác thực của Giấy xác nhận độc thân là căn cứ trên cam đoan của người đã yêu cầu xác nhận độc thân.

**2.2. Trường hợp tuy đã được cấp “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” nhưng vẫn có rủi ro là có quan hệ vợ chồng dù chưa đăng ký kết hôn vẫn được xem như là có đăng ký kết hôn**

Tại điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 (hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình) có dẫn ra một số trường hợp được xem là “Người đang có vợ hoặc có chồng”, và một trong các trường hợp đó là khi “Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn” (đương nhiên là nếu họ chưa ly hôn và vợ/chồng còn sống). Quy định này của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP cho thấy ngay cả khi bên bán/chuyển nhượng tài sản xuất trình được giấy xác nhận độc thân thì có khả năng họ vẫn được xem là “Người đang có vợ hoặc có chồng” và nếu không có điều kiện xác minh thì chỉ có một cách duy nhất là để cho bên bán/chuyển nhượng tài sản tự cam kết rằng họ không thuộc trường hợp nói trên.

Tuy khoản 1 điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP có liệt kê đầy đủ các cách ghi Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nhưng chưa nêu rõ trong trường hợp “chung sống với nhau như vợ chồng trước ngày 03/01/1987” thì cần giấy tờ gì chứng minh và nếu người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân không khai báo thì thông tin về “quan hệ như vợ chồng trước ngày 03/01/1987” được xác định như thế nào. Nói khác đi, khi Bên bán/chuyển nhượng ở độ tuổi có thể có “quan hệ như vợ chồng trước ngày 03/01/1987” (nghĩa là tính đến ngày 03/01/1987, người nam đã bước qua tuổi 20 và người nữ đã bước qua tuổi 18) mà xuất trình được giấy xác nhận độc thân có ghi rõ “chưa đăng ký kết hôn với ai” thì kết quả xác nhận độc thân này cũng đã dựa một phần vào lời cam đoan

của họ trong Tờ khai xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân về việc họ không có quan hệ hôn nhân thực tế trước ngày 03/01/1987.

**2.3. Hệ quả của việc cam đoan không đúng về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân**

Người yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nếu “cam đoan không đúng về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” thì sẽ chịu một chế tài phạt vi phạm hành chính là bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng như quy định tại điểm b, khoản 2, điều 40 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP (quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã).

Nếu có cơ sở xác định nội dung cam đoan không đúng sự thật thì cơ quan cấp giấy xác nhận độc thân được kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ giấy xác nhận độc thân đó<sup>4</sup>. Các cam đoan do người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân lập và được Ủy ban nhân dân cấp xã chứng thực nếu không đúng sự thật cũng sẽ không có giá trị pháp lý như quy định tại điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/03/2020 (quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 23/2015/NĐ-CP). Ngay sau khi phát hiện giấy tờ, văn bản đó được chứng thực không đúng quy định pháp luật, cơ quan đã thực hiện việc chứng thực có trách nhiệm ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực đó và đăng tải thông tin về giấy tờ, văn bản đã được chứng thực nhưng không có giá trị pháp lý đó lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh<sup>5</sup>.

Nghiên cứu các quy định nói trên, có thể thấy khi hủy bỏ hiệu lực của “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” cũng như hủy bỏ hiệu lực các giấy tờ/văn bản được chứng thực không đúng quy định pháp luật thì Ủy ban nhân dân các cấp không bị chế tài gì trong khi “Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân” nhiều khả năng đã được sử dụng tại tổ chức hành nghề công chứng để chứng minh quyền đối với tài sản riêng và định đoạt tài sản.

**3. Thực tiễn hành nghề công chứng liên quan việc sử dụng giấy “xác nhận độc thân” để xác định quyền của chủ thể đối với tài sản**

**3.1. Một số trường hợp điển hình trong hoạt động công chứng**

Trong hoạt động công chứng, đối với tài sản/phần tài sản bên bán/chuyển nhượng muốn định đoạt là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân (điều này cần được xác định bằng cách đối chiếu thời điểm tạo lập tài sản và khoảng thời gian hôn nhân có hiệu lực căn cứ theo chứng từ đăng ký kết hôn) thì công chứng viên chỉ cần kiểm tra bản chính đăng ký kết hôn, nhằm tránh trường hợp giả mạo giấy tờ, đồng thời kiểm tra thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Đối với trường hợp bên bán/chuyển nhượng là một người và tự khai báo đồng thời xuất trình Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có nội dung xác nhận rằng đương sự không đăng ký kết hôn với ai tại thời điểm tạo lập tài sản thì tương tự như quy trình hành nghề như trên đây đã mô tả, công chứng viên kiểm tra bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nhằm tránh trường hợp giả mạo giấy tờ, đồng thời kiểm tra thẩm quyền cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Thông thường, nếu Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân được cấp đúng thẩm quyền, đồng thời có ghi nhận tình trạng hôn nhân phù hợp cho việc chứng minh rằng tài sản được tạo lập trong thời kỳ không có kết hôn với ai thì việc công chứng viên chứng nhận giao dịch để bên bán/chuyển nhượng định đoạt tài sản sẽ không gây khó khăn cho công chứng viên khi cần chứng minh rằng hành vi của mình là đúng trong việc chứng nhận hợp đồng/giao dịch căn cứ trên Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Đồng thời, theo kinh nghiệm hành nghề công chứng, bản thân người bán/chuyển nhượng tài sản hầu như ai cũng tuyệt đối tin tưởng rằng có Giấy “xác nhận độc thân” được cấp đúng thẩm quyền nghĩa là cơ quan cấp giấy “xác nhận độc thân” đã rà soát toàn bộ quá trình và tài sản mà bên bán/chuyển nhượng muốn định đoạt chắc chắn là tài sản riêng của người xuất trình Giấy “xác nhận độc thân”, đặc biệt là khi tranh chấp xảy ra người bán/chuyển nhượng tài sản sẽ bảo vệ cho quan điểm đó hoặc

bảo vệ cho quan điểm là mình bị ngộ nhận do tin tưởng vào cơ quan cấp giấy “xác nhận độc thân” và tin tưởng vào sự thẩm tra của cơ quan công chứng do đó không có lỗi và tránh được bồi thường hợp đồng. Đối với bên mua/nhận chuyển nhượng tài sản thì việc công chứng viên tin tưởng vào giấy “xác nhận độc thân” do người bán/chuyển nhượng xuất trình đã tạo sự yên tâm cho bên mua/nhận chuyển nhượng, trong khi thực tế vẫn có một số trường hợp hiệu lực của Giấy “xác nhận độc thân” bị thay đổi (đơn cử như trường hợp nêu tại khoản 2.1 trên đây) hoặc không thể chỉ căn cứ vào nội dung Giấy “xác nhận độc thân” để phán quyết về quyền đối với tài sản riêng của bên bán/chuyển nhượng (đơn cử như trường hợp nêu tại khoản 2.2 trên đây). Vấn đề của công chứng viên là trong quá trình giao tiếp, tư vấn cho các bên thì công chứng viên có đủ quyết tâm nêu các vấn đề trên đây vào công tác tư vấn, vì khi đó sẽ phải nêu ra những câu hỏi đào sâu hơn về đời tư của bên bán/chuyển nhượng tài sản (*ví dụ như câu hỏi về các nơi mà bên bán/chuyển nhượng từng đăng ký thường trú, khoảng thời gian thường trú tại từng địa chỉ - những câu hỏi đôi khi khó trả lời do không kèm theo giấy tờ bên cạnh thì khó nhớ chính xác được thời điểm*) mà vẫn được sự đồng cảm của bên bán/chuyển nhượng tài sản bởi vì những câu hỏi này có khi bên bán/chuyển nhượng đã từng phải trình bày với cơ quan cấp Giấy “xác nhận độc thân”, đồng thời công chứng viên vẫn cần bảo tồn được mối quan hệ hợp tác giữa bên bán/chuyển nhượng và bên mua/nhận chuyển nhượng trong khi bản thân công chứng viên lại đặt ra quá nhiều trường hợp rủi ro.

### **3.2. Kiến nghị**

Để khắc phục những khó khăn do các yếu tố chủ quan như trên đã trình bày, theo tác giả bài viết, cần bổ sung quy định về cách thức ghi nhận tình trạng hôn nhân trong Giấy xác nhận tình trạng hôn

nhân được nêu tại khoản 1 điều 33 Thông tư số 04/2020/TT-BTP, cụ thể:

Nếu người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân ở độ tuổi có thể có “quan hệ như vợ chồng trước ngày 03/01/1987” (nghĩa là tính đến ngày 03/01/1987 người nam đã bước qua tuổi 20 và người nữ đã bước qua tuổi 18) mà tự xác định không có quan hệ hôn nhân thực tế trước ngày 03/01/1987 thì tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi nhận về việc người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân đã lập cam kết về việc không có hôn nhân thực tế trước 03/01/1987.

Nếu người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân đã từng đăng ký thường trú tại nhiều nơi khác nhau mà có một hoặc nhiều nơi không có văn bản trả lời công văn yêu cầu xác minh dẫn đến việc cơ quan cấp xác nhận tình trạng hôn nhân cho phép người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân tự lập văn bản cam đoan về tình trạng hôn nhân của mình thì tại Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi nhận về việc người yêu cầu cấp xác nhận tình trạng hôn nhân đã lập cam kết về việc không đăng ký kết hôn với ai trong giai đoạn chưa được kiểm chứng đó.

### **4. Kết luận**

Theo đánh giá chung của xã hội, của Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tư pháp, nghề công chứng phải là nghề mang tính chuyên nghiệp, không những cần đảm bảo an toàn pháp lý cho giao dịch mà ở mức độ cao hơn, cần hỗ trợ cho các bên trong giao dịch trình bày hết những vấn đề chưa rõ, tiến đến hợp tác và ký kết giao dịch, vì chỉ khi giao dịch dân sự liên tục được xúc tiến và xúc tiến một cách an toàn nhất có thể thì những mục tiêu đặt ra cho nền kinh tế và xã hội mới dễ dàng đạt được. Do đó, những kinh nghiệm, những ý kiến đúc kết được trong quá trình hành nghề công chứng cần được trình bày để xem xét đưa vào các quy định pháp luật liên quan ■

### **TÀI LIỆU TRÍCH DẪN VÀ THAM KHẢO:**

<sup>1</sup>Notaire’s fr (2020). Notary’s role. Available at <https://www.notaires.fr/en/notaire/role-notaire-and-his-principal-activities/role-notaire>

<sup>2</sup>Khoản 3, điều 22, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

<sup>3</sup>Khoản 1, điều 5, Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

<sup>4</sup>Khoản 2, điều 5, Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp: Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch

<sup>5</sup>Điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

**Ngày nhận bài: 9/10/2024**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 27/10/2024**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 12/11/2024**

*Thông tin tác giả:*

**ĐOÀN THUY ANH**

**Công chứng viên, thành viên Hội Công chứng viên Thành phố Hồ Chí Minh**

## THE ROLE OF NOTARIES IN DISSEMINATING LEGAL KNOWLEDGE ON CONFIRMATION OF MARITAL STATUS PRACTICES

● **DOAN THUY ANH**

Notary, member of Ho Chi Minh City Notary Association

### **ABSTRACT:**

This study examines the notary's responsibilities in certifying property disposition transactions, with a focus on determining the marital status of the property seller or transferor at the time of property creation or disposition. A key responsibility involves verifying marital status based on documents issued by the commune-level People's Committees. The findings highlight the need for notaries to provide clearer guidance to property buyers or transferees, enabling them to make informed decisions about the sufficiency and clarity of the marital status certification process. This study underscores the importance of transparency and thoroughness in notarial practices to safeguard transaction integrity.

**Keywords:** confirmation of marital status, notarization, responsibility of notary.